

giao đất, giao rừng để trồng rừng và chăm sóc, nuôi dưỡng, khi khai thác gỗ và lâm sản được phân phối sử dụng tiền nuôi rừng như sau:

— Nhận đất trống để trồng rừng được để lại 80% tiền nuôi rừng để đầu tư trồng rừng chu kỳ sau.

— Nhận rừng tự nhiên để chăm sóc, nuôi dưỡng được để lại 60% để tu bổ lại rừng đã khai thác.

— Số 20% và 40% còn lại nộp ngân sách huyện để huyện đầu tư các khâu dịch vụ sản xuất cho tập thể, gia đình và tư nhân, cá thể v.v...

3. Tiền nuôi rừng do lực lượng kiểm lâm nhân dân thu được:

— Nộp ngân sách trung ương 50%.

— Nộp ngân sách tỉnh 30%.

— Nộp ngân sách huyện, xã 20% (tỷ lệ dành cho ngân sách xã do liên Bộ Lâm nghiệp — Tài chính hướng dẫn).

Điều 3. — Phương thức quản lý, sử dụng tiền nuôi rừng như sau:

1. Tiền nuôi rừng để lại cho đơn vị cơ sở hoặc nộp vào ngân sách Trung ương hay ngân sách địa phương đều phải:

— Sử dụng vào mục đích trồng rừng mới, tu bổ, cải tạo rừng và quản lý bảo vệ rừng, theo kế hoạch hàng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt và phải báo cáo quyết toán với Nhà nước theo chế độ hiện hành. Nghiêm cấm việc sử dụng tiền nuôi rừng vào mục đích khác.

— Được gửi vào một tài khoản riêng tại Ngân hàng gọi là quỹ nuôi rừng để chuyên dùng vào mục đích xây dựng vốn rừng. Bộ trưởng Bộ Lâm nghiệp và Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh được quyền chủ động duyệt kế hoạch điều hòa sử dụng khoản tiền nuôi rừng phân cho ngân sách địa phương và ngân sách trung ương để đầu tư lại việc xây dựng vốn rừng.

— Tiền nuôi rừng của năm trước chi không hết được chuyển chi cho kế hoạch năm sau.

2. Giao liên Bộ Lâm nghiệp — Tài chính quy định cụ thể phương thức quản lý sử dụng khoản tiền nuôi rừng để lại cho hợp tác xã, hộ gia đình và tư nhân, cá thể.

Điều 4. — Quyết định này được thi hành từ ngày 1 tháng 7 năm 1988. Bãi bỏ Quyết định số 30-HĐBT ngày 24-3-1986 và các điều 3, 4, 6, 7, 8 của Quyết định số 88-HĐBT ngày 24-9-1981 của Hội đồng Bộ trưởng. Nghiêm cấm các địa phương (tỉnh, huyện, xã) tự ý đặt ra các khoản lệ phí khác đối với những lâm sản khai thác từ rừng.

Liên Bộ Lâm nghiệp — Tài chính cùng với các Bộ có liên quan hướng dẫn thực hiện Quyết định này.

Điều 5. — Bộ trưởng các Bộ Lâm nghiệp — Tài chính, Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Chủ nhiệm Ủy ban Vật giá Nhà nước, Tổng Giám đốc Ngân hàng Nhà nước và Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T.M. Hội đồng Bộ trưởng  
K.T. Chủ tịch  
Phó Chủ tịch  
VÔ VĂN KIẾT

NGHỊ ĐỊNH của Hội đồng Bộ trưởng  
số 117-HĐBT ngày 21-7-1988 về  
giám định tư pháp.

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Đề góp phần làm cho công tác điều tra, truy tố, xét xử được khách quan, chính xác, kịp thời và đúng pháp luật;



**Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4 tháng 7 năm 1981;**

**Sau khi trao đổi ý kiến với Chánh án Tòa án Nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;**

**Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.**

### NGHỊ ĐỊNH:

**Điều 1.** — Giám định tư pháp là sử dụng những kiến thức, phương pháp khoa học kỹ thuật, nghiệp vụ chuyên môn để kết luận về vấn đề có liên quan đến các vụ án hình sự, dân sự, hôn nhân và gia đình, các tranh chấp lao động theo quyết định trưng cầu giám định của cơ quan Công an, Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân (trong văn bản này gọi chung là cơ quan tiến hành tố tụng) nhằm phục vụ công tác điều tra, truy tố và xét xử.

Bộ Tư pháp cùng với Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Nội vụ quy định cấp có thẩm quyền quyết định trưng cầu giám định tư pháp.

**Điều 2.** — Giám định tư pháp do giám định viên hoặc tập thể giám định viên tiến hành theo nội dung được ghi trong quyết định trưng cầu giám định.

**Điều 3.** — Những cơ quan sau đây được bổ nhiệm các giám định viên để phục vụ thường xuyên cho công tác điều tra, truy tố, xét xử:

— Bộ Nội vụ có giám định viên kỹ thuật hình sự và giám định viên pháp y;

— Bộ Y tế có giám định viên pháp y và giám định viên pháp y tâm thần;

— Bộ Quốc phòng có giám định viên pháp y thuộc Bộ Quốc phòng;

— Bộ Tài chính có giám định viên kế toán tài chính;

— Bộ Văn hóa có giám định viên tác phẩm văn học nghệ thuật, văn hóa phẩm nghệ thuật;

— Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước có giám định viên trong từng lĩnh vực khoa học kỹ thuật.

Các cơ quan có từ 3 giám định viên trở lên thì bổ nhiệm giám định viên trưởng.

Ở các ngành khác không có tổ chức giám định tư pháp. Khi có quyết định trưng cầu giám định tư pháp về những vụ việc có liên quan tới chuyên môn của ngành đó, thì thủ trưởng ngành đó cử người làm giám định. Người được cử làm giám định có nhiệm vụ, quyền hạn của giám định viên.

**Điều 4.** — Thủ trưởng các Bộ, ngành chuyên môn ở cấp Trung ương ra quyết định bổ nhiệm giám định viên và giám định viên trưởng cấp trung ương của Bộ, ngành mình sau khi có ý kiến nhất trí của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương ra quyết định bổ nhiệm giám định viên và giám định viên trưởng cấp tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương, thuộc từng ngành ở địa phương mình theo đề nghị của thủ trưởng ngành chuyên môn đó và Giám đốc Sở Tư pháp.

**Điều 5.** — Giám định viên phải có những tiêu chuẩn sau đây:

- a) Có phẩm chất chính trị tốt;
- b) Có trình độ nghiệp vụ chuyên môn từ đại học trở lên;
- c) Có thâm niên công tác về nghiệp vụ chuyên môn đó ít nhất là 5 năm.

**Điều 6.** — Nhiệm vụ của giám định viên:

1. Thực hiện các nội dung giám định theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng;

2. Kết luận giám định bằng văn bản và chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết luận đó.



3. Giải thích bản kết luận giám định theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng;

4. Giám định bổ sung hoặc giám định lại khi cơ quan tiến hành tố tụng yêu cầu;

5. Không được để lộ tài liệu và kết quả giám định;

6. Tuân thủ các quy định khác của pháp luật tố tụng.

Điều 7. — Quyền hạn của giám định viên:

1. Từ chối việc thực hiện giám định trong trường hợp thời gian không đủ để tiến hành giám định, các tài liệu cung cấp không đủ hoặc không có giá trị để kết luận, nội dung yêu cầu giám định vượt quá phạm vi hiểu biết chuyên môn của mình hoặc có lý do chính đáng khác;

2. Yêu cầu cơ quan tiến hành tố tụng bổ sung tài liệu hoặc cán bộ chuyên môn để giám định khi cần thiết;

3. Viết kết luận riêng của mình vào bản kết luận chung nếu không thống nhất với kết luận chung đó (trường hợp giám định tập thể).

4. Giám định viên tiến hành giám định bằng kiến thức và phương pháp nghiệp vụ chuyên môn của mình. Cơ quan tiến hành tố tụng không được can thiệp vào công việc chuyên môn của giám định viên.

Điều 8. — Giám định viên không được làm giám định trong vụ án khi:

1. Bản thân là bị can, bị cáo hoặc đương sự khác.

2. Bản thân có quan hệ thân thuộc hoặc phụ thuộc về công tác, về kinh tế với bị can, bị cáo hoặc các đương sự khác.

3. Bản thân đã hoặc đang tham gia vụ án đó với tư cách là điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán, hội thẩm nhân dân, người bào chữa, người đại diện của đương sự.

Điều 9. — Khi thực hiện giám định, giám định viên được hưởng phụ cấp tùy theo tính chất (đơn giản hay phức tạp) của từng vụ việc được trưng cầu.

Cơ quan trưng cầu giám định dự trù kinh phí cho công tác giám định tư pháp và chỉ trả phụ cấp cho giám định viên.

Bộ Tư pháp quy định mức trả phụ cấp cho giám định viên đối với từng loại việc sau khi thống nhất ý kiến với Bộ Tài chính.

Điều 10. — Giám định viên hoàn thành tốt nhiệm vụ được xét khen thưởng, nếu vi phạm những quy định trong Nghị định này hoặc những quy định khác của pháp luật sẽ bị kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự tùy theo mức độ vi phạm.

Điều 11. — Nhiệm vụ, quyền hạn của giám định viên trưởng:

Quản lý danh sách giám định viên trong cơ quan Bộ, ngành chuyên môn của mình ở Trung ương, trong Sở, ngành chuyên môn của mình ở địa phương và là đầu mối liên hệ công tác với các cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan tư pháp.

Trực tiếp giúp thủ trưởng cơ quan liên hệ công tác với các giám định viên; cử đúng và kịp thời giám định viên khi có quyết định trưng cầu giám định của cơ quan tiến hành tố tụng.

Trường hợp có những lý do đã quy định ở điểm 1, điều 7 của Nghị định này thì giám định viên trưởng phải cử giám định viên khác thay thế.

Điều 12. — Bộ Tư pháp thống nhất quản lý công tác giám định tư pháp; hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra hoạt động giám định tư pháp; bồi dưỡng kiến thức pháp lý cho giám định viên.

Điều 13. — Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Bộ trưởng các Bộ, Chủ nhiệm các Ủy ban Nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy

www.ThuVienPhapLuat.com  
Tel: +84-8-3846684



ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

**Điều 14.** — Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành. Những quy định trước đây trái với Nghị định này đều bị bãi bỏ.

T.M. Hội đồng Bộ trưởng  
K.T. Chủ tịch  
Phó Chủ tịch  
**VÕ VĂN KIỆT**

## **CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG**

**CHỈ THỊ** của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng số 196-CT ngày 21-6-1988 về một số biện pháp cấp bách trước mắt quản lý thị trường nhằm thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 2-5-1988 của Bộ Chính trị.

Thị trường xã hội đang có nhiều diễn biến phức tạp. Bên cạnh một số yếu tố tích cực mới xuất hiện lẻ tẻ, nhiều yếu tố tiêu cực đã và đang lây lan phổ biến khá nặng nề, cả trong khu vực kinh tế xã hội chủ nghĩa. Trật tự trên thị trường bị đảo lộn, giá cả luôn luôn biến động; giá lương thực, thực phẩm tăng nhanh và lên cao chưa từng có, gây nhiều tác hại đối với sản xuất, lưu thông hàng hóa, gây khó khăn cho đời sống của nhân dân lao động, nhất là của những người hưởng lương và làm trầm trọng thêm quá trình lạm phát... Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 2-5-1988 của Bộ Chính trị về các biện pháp cấp bách chống lạm phát đã nhấn mạnh

yêu cầu tăng cường quản lý thị trường, kiên quyết trừng trị bọn đầu cơ, buôn lậu.

Tăng cường quản lý thị trường hiện nay không phải là trở lại những việc làm không đúng như «cắm chợ, ngăn sông», gây trở ngại cho việc lưu thông hàng hóa, ách tắc sản xuất, kinh doanh, mà phải đạt được những yêu cầu trước mắt sau đây:

— Kiểm soát được giá cả, giảm tốc độ tăng giá, nhất là đối với những mặt hàng thiết yếu (trong và ngoài khu vực kinh tế quốc doanh).

— Sắp xếp lại một bước trật tự trên thị trường, mở rộng lưu thông hàng hóa một cách có tổ chức, phục vụ tốt sản xuất và đời sống.

— Nghiêm trị bọn đầu cơ, buôn lậu, bọn phá hoại, gây rối thị trường.

— Chống thất thu cho ngân sách Nhà nước, góp phần tích cực chống lạm phát.

Để thực hiện được yêu cầu trên đây, phải đề cao trách nhiệm của tất cả các ngành, các cấp từ trung ương đến cơ sở của cơ quan Nhà nước và các đoàn thể với sự kết hợp chặt chẽ các lực lượng của Nhà nước và của quần chúng, áp dụng đồng bộ các loại biện pháp kinh tế hành chính, tư tưởng và tổ chức. Điều quan trọng là phải sắp xếp lại và tăng cường thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán, nhất là về lực lượng hàng hóa, đề thương nghiệp xã hội chủ nghĩa chiếm lĩnh được tuyệt đại bộ phận bán buôn, chỉ phối được bán lẻ, trước hết đối với những mặt hàng thiết yếu.

## **I. NHỮNG BIỆN PHÁP CẤP BÁCH VỀ QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG**

Trước mắt, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng yêu cầu các ngành, các cấp từ nay đến cuối năm 1988 làm ngay những việc sau đây: